

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện dự toán ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2017**

Thực hiện Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 22/12/2016 của HĐND thành phố khóa XI – Kỳ họp thứ 3 về dự toán ngân sách và phương án phân bổ ngân sách năm 2017. Qua tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm, UBND thành phố Nha Trang báo cáo như sau:

#### **A/ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM:**

##### **I/ Về thu ngân sách nhà nước: (chi tiết theo phụ lục 01)**

##### **1/ Các khoản thu cân đối:**

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm là 2.306,565 tỷ đồng, đạt 54% so với dự toán được HĐND thành phố thông qua và bằng 102% so với cùng kỳ. Cụ thể:

1.1/ Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 1.295 tỷ đồng, đạt 53% dự toán và bằng 97% cùng kỳ. Trong đó:

- Cục thuế quản lý thu: 860 tỷ đồng, đạt 51% dự toán.

- Chi cục thuế quản lý thu: 435 tỷ đồng, đạt 58% dự toán.

1.2/ Thuế thu nhập cá nhân: 101 tỷ đồng, đạt 49% dự toán và bằng 129% cùng kỳ.

1.3/ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 5,9 tỷ đồng, đạt 46% dự toán và bằng 91% cùng kỳ.

1.4/ Thu tiền sử dụng đất: 316,5 tỷ đồng, đạt 59% dự toán và bằng 91% cùng kỳ. Trong đó:

- Cục thuế quản lý thu: 85,5 tỷ đồng, đạt 25% dự toán.

- Chi cục thuế quản lý thu: 231 tỷ đồng, đạt 116% dự toán.

Đối với phần Cục thuế quản lý thu đạt thấp.

1.5/ Lệ phí trước bạ: 114 tỷ đồng, đạt 35% dự toán và bằng 103% cùng kỳ. Trong đó:

- Lệ phí trước bạ nhà đất: 30,1 tỷ đồng, đạt 105% dự toán.

- Lệ phí trước bạ từ các tài sản khác: 83,9 tỷ đồng, đạt 28% dự toán.

Khoản thu này đạt thấp so với dự toán 6 tháng là do dự toán UBND tỉnh giao cao: dự toán tỉnh giao 323,5 tỷ đồng trong khi số thu thực hiện năm được 2016 là 235,035 tỷ đồng, tăng 38% so với số thực hiện năm 2016.

1.6/ Thuế bảo vệ môi trường: 3,2 tỷ đồng, đạt 145% dự toán.

1.7/ Thuế sử dụng đất nông nghiệp: 15 triệu đồng.

1.8/ Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 173 tỷ đồng, đạt 77% dự toán và 79% cùng kỳ. Trong đó:

- Cục thuế quản lý thu: 171,5 tỷ đồng, đạt 80% dự toán.
- Chi cục thuế quản lý thu: 1,5 tỷ đồng, đạt 15% dự toán.

1.9/ Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 2,6 tỷ đồng, đạt 39% dự toán và bằng 25% cùng kỳ. Đây là khoản thu phát sinh trên địa bàn và tỉnh được hưởng 100%.

1.10/ Thu phí và lệ phí: 257,95 tỷ đồng, đạt 56% dự toán và 174% cùng kỳ, cụ thể:

- Phí và lệ phí Trung ương: 175 tỷ đồng, đạt 50% dự toán và bằng 165% cùng kỳ.

- Phí và lệ phí tỉnh (phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản): 7,45 tỷ đồng, đạt 30% dự toán và bằng 108% cùng kỳ.

- Phí và lệ phí thành phố: 68 tỷ đồng, đạt 101% dự toán và bằng 470% cùng kỳ.

- Phí và lệ phí xã: 7,5 tỷ đồng, đạt 55% dự toán và 279% cùng kỳ.

1.11/ Thu khác: 35,5 tỷ đồng, đạt 50% dự toán và 319% cùng kỳ, cụ thể:

- Thu khác Trung ương: 14 tỷ đồng, đạt 52% dự toán.

- Thu khác thành phố: 18 tỷ đồng, đạt 47% dự toán.

- Thu khác tại xã: 3,5 tỷ đồng, đạt 95% dự toán.

## **2/ Các khoản thu ngoài cân đối:**

- Thu các khoản huy động đóng góp: 1,9 tỷ đồng, bằng 70% cùng kỳ.

## **III/ Cân đối ngân sách thành phố và ngân sách xã:**

### **1/ Cân đối ngân sách thành phố:**

1.1/ Thu ngân sách thành phố được hưởng: 1.586,718 tỷ đồng, đạt 87% dự toán và bằng 115% cùng kỳ.

a/ Thu thuế, phí, lệ phí và thu khác được điều tiết: 763,87 tỷ đồng, đạt 60% dự toán và bằng 86% cùng kỳ. Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất (chỉ được chi đầu tư): 239,55 tỷ đồng, đạt 103% dự toán và bằng 146% cùng kỳ.

- Thu ngoài tiền sử dụng đất (cân đối các hoạt động chi thường xuyên): 524,32 tỷ đồng, đạt 50% dự toán và bằng 72% cùng kỳ.

b/ Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh: 43,787 tỷ đồng, bằng 116% cùng kỳ (Chi tiết theo phụ lục 02).

c/ Thu chuyển nguồn kinh phí năm trước: 778,494 tỷ đồng (Chi tiết theo phụ lục 03).

d/ Thu ngân sách cấp dưới nộp lên: 0,567 tỷ đồng.

1.2/ Chi ngân sách thành phố (cấp huyện):

Tổng chi ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm là 653,378 tỷ đồng, đạt 24% dự toán và bằng 97% cùng kỳ.



a/ Chi đầu tư phát triển: 175,006 tỷ đồng, đạt 34% dự toán và bằng 279% cùng kỳ, bao gồm:

b/ Chi thường xuyên: 401,2 tỷ đồng, đạt 46% dự toán và bằng 112% cùng kỳ. Trong đó, chủ yếu các nội dung chính như sau:

- Hoạt động kinh tế: 77 tỷ đồng, đạt 41% dự toán và bằng 133% cùng kỳ.

- Chi sự nghiệp môi trường: 25 tỷ đồng, đạt 35% dự toán và bằng 89% cùng kỳ.

- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 210 tỷ đồng, đạt 47% dự toán và bằng 106% so với cùng kỳ.

- Chi sự nghiệp y tế: 7,4 tỷ đồng, đạt 50% dự toán. Trong đó, chủ yếu chi hỗ trợ đóng BHYT học sinh với số tiền 7,02 tỷ đồng.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 1,9 tỷ đồng, đạt 50% dự toán và bằng 115% cùng kỳ.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 2,3 tỷ đồng, đạt 65% dự toán và bằng 142% cùng kỳ.

- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 0,9 triệu đồng, đạt 48% dự toán và bằng 121% cùng kỳ.

- Chi đảm bảo xã hội: 38 tỷ đồng, đạt 68% dự toán và bằng 132% cùng kỳ.

- Chi quản lý hành chính: 32 tỷ đồng, đạt 51% dự toán và bằng 114% cùng kỳ.

- Chi an ninh quốc phòng: 4,2 tỷ đồng, đạt 53% dự toán và bằng 166% cùng kỳ.

- Chi khác ngân sách: 2,5 tỷ đồng, đạt 20% dự toán và bằng 39% cùng kỳ.

c/ Chi bổ sung ngân sách cấp xã: 74,322 tỷ đồng, đạt 46% dự toán và bằng 163% cùng kỳ. Trong đó:

- Bổ sung cân đối: 49,322 tỷ đồng, đạt 50% dự toán.

- Bổ sung có mục tiêu: 25 tỷ đồng, đạt 40% dự toán.

d/ Chi nộp ngân sách cấp trên: 2,85 tỷ đồng. Đây là khoản nộp trả ngân sách cấp tỉnh kinh phí bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi (kinh phí phân bổ cho các trường có số giáo viên, nhân viên hợp đồng tăng) theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

## **2/ Cân đối ngân sách xã:**

2.1/ Thu ngân sách xã được hưởng: 174,916 tỷ đồng, đạt 75% dự toán và bằng 129% cùng kỳ.

a/ Thu thuế, phí, lệ phí và thu khác được điều tiết: 48,993 tỷ đồng, đạt 67% dự toán và bằng 92% cùng kỳ.

b/ Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 74,322 tỷ đồng, đạt 46% dự toán và bằng 163% cùng kỳ.

c/ Thu chuyển nguồn kinh phí năm trước: 51,6 tỷ đồng.

### **2.2/ Chi ngân sách xã:**

Tổng chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm là 92,077 tỷ đồng, đạt 39% dự toán và bằng 114% cùng kỳ.

a/ Chi đầu tư phát triển: 16,014 tỷ đồng, đạt 26% dự toán và bằng 239% cùng kỳ.

b/ Chi thường xuyên: 75,496 tỷ đồng, đạt 50% dự toán và 123% cùng kỳ.

c/ Chi nộp ngân sách cấp trên: 0,567 tỷ đồng. Đây là khoản nộp trả ngân sách thành phố kinh phí bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ chi theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

### **III/ Các khoản tạm ứng ngân sách:**

#### **1/ Ngân sách thành phố:**

- Thu tạm ứng từ ngân sách tỉnh: 31,467 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục 02*).

- Chi tạm ứng từ ngân sách thành phố: 71,341 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục 04*).

#### **2/ Ngân sách xã:**

- Thu tạm ứng từ ngân sách thành phố: 2,9527 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục 04*).

- Chi tạm ứng từ ngân sách xã: 2,787 tỷ đồng.

### **IV/ Tình hình sử dụng nguồn kết dư, dự phòng ngân sách thành phố:**

**1/ Chi từ nguồn kết dư ngân sách thành phố năm 2016:** 10,211 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục 05*).

**2/ Chi từ nguồn dự phòng ngân sách thành phố năm 2017:** 4,141 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục 06*).

#### **3/ Chi từ nguồn tăng thu năm 2016 (*Chi tiết theo phụ lục 07*):**

3.1/ Tăng thu ngân sách thành phố năm 2016 là 610,140 tỷ đồng, trong đó:

- Tăng thu tiền sử dụng đất (chi đầu tư): 206,070 tỷ đồng.

- Tăng thu ngoài tiền sử dụng đất: 404,070 tỷ đồng.

3.2/ Chi từ nguồn tăng thu năm 2016: 474,363 tỷ đồng. Trong đó, chủ yếu chi chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017 đối với nguồn tăng thu tiền sử dụng đất để chi đầu tư và nguồn tăng thu ngoài tiền sử dụng đất để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Ngoài ra, dành một phần nguồn tăng thu ngoài tiền sử dụng đất bố trí dự toán năm 2017 để thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội quan trọng của thành phố.

#### **4/ Đối với các nhiệm vụ chi mới phát sinh:**

UBND thành phố báo cáo, xin ý kiến HĐND thành phố, cụ thể như sau:

- Chi hỗ trợ hoàn thành công tác năm 2016 cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên các phòng, ban, đơn vị thuộc thành phố và UBND các xã, phường với số tiền là 5,373 tỷ đồng.

- Hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân cho Hội Nông dân thành phố 0,3 tỷ đồng.

- Chuyển vốn ủy thác cho Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh Khánh Hòa để cho vay Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường với số tiền là 2 tỷ đồng.



- Hỗ trợ thù lao cho 35 nhân viên hợp đồng ủy nhiệm thu thuế năm 2017 của Chi cục thuế thành phố (ngoài mức trích 3,2% trên tổng số thu do Cục thuế quy định) với số tiền là 0,63 tỷ đồng.

- Kinh phí quỹ tiền lương của các trường có số giáo viên, nhân viên hợp đồng tăng do tăng cháu, tăng lớp từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 (tăng 98 giáo viên) với số tiền là 1,654 tỷ đồng; bổ sung dự toán cho các trường thiếu kinh phí hoạt động năm 2017 là 0,66 tỷ đồng (do định mức theo số học sinh không đủ hoạt động).

- Thanh toán nợ công trình chợ Vĩnh Hải: 1,432 tỷ đồng.

#### **IV/ Đánh giá tình hình thu, chi ngân sách:**

Dưới sự lãnh đạo của Thành ủy, sự giám sát của HĐND thành phố, UBND thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo quyết liệt trong công tác tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017: công tác tổ chức, quản lý thu ngân sách và điều hành thực hiện các nhiệm vụ chi năm 2017.

##### **1/ Về thu ngân sách:**

UBND thành phố chỉ đạo Chi cục thuế thành phố tăng cường các biện pháp tích cực trong công tác thu ngân sách ngay từ đầu năm; thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình thu, nắm chắc các nguồn thu và số lượng người nộp thuế trên địa bàn; lập kế hoạch, phối hợp giữa các ban ngành liên quan khai thác triệt để nguồn thu, chống thất thu thuế. Đồng thời, thực hiện đổi mới các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ, tư vấn pháp luật về thuế để nâng cao sự hiểu biết và tính tuân thủ pháp luật thuế đối với các đối tượng nộp thuế.

##### **2/ Về chi ngân sách:**

UBND thành phố đã điều hành ngân sách, đảm bảo cân đối thu chi, bảo đảm thực hiện các chế độ chính sách an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, chi lương và duy trì hoạt động bộ máy. Đồng thời, UBND thành phố chỉ đạo thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 4494/BTC-NSNN ngày 04/4/2017. Qua đó, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội quan trọng trong năm 2017 của thành phố như phục vụ hội nghị APEC, tổ chức kỷ niệm 40 năm thị xã Nha Trang lên thành phố, tổ chức các nội dung của Festival Biển năm 2017, góp phần bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

#### **B/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM:**

Trên cơ sở thực hiện thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm và dự kiến khả năng phấn đấu trong thời gian còn lại, UBND thành phố Nha Trang xây dựng phương hướng thực hiện nhiệm vụ thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2017 để bảo đảm cân đối thu, chi năm 2017 như sau:

##### **I/ Về thu ngân sách nhà nước:**

1/ *Thu NSNN trên địa bàn:* 4.447,37 tỷ đồng, đạt 104% dự toán và bằng 106% cùng kỳ.

2/ *Thu ngân sách thành phố được hưởng:* 2.450,791 tỷ đồng, đạt 134% dự toán và bằng 94% so với cùng kỳ.

a/ Thu thuế, phí, lệ phí và thu khác được điều tiết: 1.391,29 tỷ đồng, đạt 109% dự toán và bằng 74% cùng kỳ. Trong đó:

- Thu tiền sử dụng đất (chỉ để chi đầu tư): 348 tỷ đồng, đạt 149% dự toán và bằng 94% cùng kỳ.

- Thu ngoài tiền sử dụng đất (cân đối chi các hoạt động thường xuyên): 1.043,29 tỷ đồng, đạt 100% dự toán và bằng 69% cùng kỳ.

b/ Thu kết dư ngân sách năm trước: 280,44 tỷ đồng.

c/ Thu chuyển nguồn kinh phí năm trước: 778,494 tỷ đồng (*Chi tiết theo phụ lục 03*).

d/ Thu ngân sách cấp dưới nộp lên: 0,567 tỷ đồng.

**3/ Thu ngân sách xã được hưởng:** 390,616 tỷ đồng, đạt 167% dự toán và bằng 117% cùng kỳ.

a/ Thu thuế, phí, lệ phí và thu khác được điều tiết: 91,837 tỷ đồng, đạt 125% dự toán và bằng 92% cùng kỳ.

b/ Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 193,644 tỷ đồng, đạt 121% dự toán và bằng 129% cùng kỳ.

c/ Thu kết dư ngân sách năm trước: 53,534 tỷ đồng.

d/ Thu chuyển nguồn kinh phí năm trước: 51,6 tỷ đồng.

## **II. Chi ngân sách nhà nước:**

### **1/ Chi ngân sách thành phố:**

Tổng chi ngân sách thành phố ước thực hiện năm 2017 là 1.457,662 tỷ đồng, đạt 80% dự toán và bằng 63% cùng kỳ, cụ thể như sau:

a/ Chi đầu tư phát triển: 379,468 tỷ đồng, đạt 74% dự toán và bằng 200% cùng kỳ.

b/ Chi thường xuyên: 881,7 tỷ đồng, đạt 101% dự toán và bằng 90% cùng kỳ.

c/ Chi bổ sung ngân sách cấp xã: 193,644 tỷ đồng, đạt 121% dự toán và bằng 129% cùng kỳ.

d/ Chi nộp ngân sách cấp trên: 2,85 tỷ đồng.

### **2/ Chi ngân sách xã:**

Tổng chi ngân sách xã ước thực hiện năm 2017 là 252,013 tỷ đồng, đạt 108% dự toán và bằng 112% cùng kỳ, cụ thể như sau:

a/ Chi đầu tư phát triển: 92,508 tỷ đồng, đạt 149% dự toán và bằng 176% cùng kỳ.

b/ Chi thường xuyên: 158,938 tỷ đồng, đạt 95% dự toán và bằng 92% cùng kỳ.

c/ Chi nộp ngân sách cấp trên: 0,567 tỷ đồng.

## **III. Các giải pháp nhằm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu thu chi ngân sách năm 2017:**

Để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, UBND thành phố tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp điều hành ngân sách, cân đối thu chi theo Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày



20/01/2017 của UBND tỉnh v/v “Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2017”; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh v/v “Tập trung chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách nhà nước năm 2017” (riêng nội dung tiết kiệm 10% chi đầu tư và 10% chi thường xuyên của 7 tháng cuối năm 2017, UBND thành phố báo cáo UBND tỉnh về việc ngân sách thành phố không cần phải tiết kiệm để giảm chi vì nguồn thu cân đối NSTP năm 2017 đảm bảo được, mặt khác thành phố Nha Trang là đơn vị tự cân đối trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020); Kế hoạch số 4155/UBND-KT ngày 18/5/2017 của UBND tỉnh v/v “Triển khai Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 30/3/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khóa XII) về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững”. Cụ thể như sau:

### ***1/ Về lĩnh vực thuế:***

- Tăng cường công tác phối kết hợp với UBND các xã, phường, các Ban quản lý chợ, các phòng ban và các cơ quan, ban ngành có liên quan để thực hiện tốt công tác quản lý thuế, đưa vào diện quản lý thuế và kê khai nộp thuế đầy đủ, đúng thời gian quy định đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn, nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế vào ngân sách Nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác quản lý thu, tăng cường kiểm tra các cơ sở kinh doanh lưu động, vắng lai, xây dựng tư nhân, vận tải, cho thuê nhà, cho thuê rai sản, khai thác tài nguyên khoáng sản, dịch vụ du lịch lữ hành,...; đối với các khoản thu qua hình thức khoán, thường xuyên theo dõi, kiểm tra xác định mức doanh thu đối với cá nhân kinh doanh ở một số lĩnh vực, ngành nghề, địa phương trọng điểm để đảm bảo việc quản lý thuế đúng chính sách, phù hợp, công bằng. Tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT, thực hiện kiểm tra trước khi hoàn thuế đối với 100% các trường hợp rủi ro cao, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ ngân sách nhà nước.

- Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính trong công tác thuế, giải quyết hồ sơ nhanh gọn, kịp thời, đúng pháp luật, không để ùn tắc, tồn đọng, gây khó khăn cho người nộp thuế với tinh thần tạo thuận lợi tối đa cho người nộp thuế. Định kỳ công bố, công khai trên các phương tiện truyền thông đối với các doanh nghiệp có thành tích tốt trong công tác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bên cạnh đó công khai các doanh nghiệp nộp thuế để đảm bảo tính công bằng trong công tác nộp thuế.

### ***2/ Về tổ chức điều hành chi ngân sách nhà nước:***

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước, trong đó lĩnh vực chi đầu tư tập trung bố trí vốn để đầu tư xây dựng 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới: Vĩnh Lương, Vĩnh Thái. Đồng thời, chỉ đạo các phòng ban, đơn vị và UBND các xã, phường kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư về tiến độ thực hiện các dự án, công trình nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách; đối với những dự án, công trình thực hiện không đúng tiến độ phải kịp thời báo cáo

cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh để chuyển vốn cho những dự án có tiến độ triển khai nhanh, có khả năng hoàn thành trong năm 2017 nhưng chưa được bố trí đủ vốn.

- Đối với chi thường xuyên thực hiện chi theo dự toán được giao đúng chế độ, định mức quy định, hạn chế việc bổ sung dự toán trong năm, thực hiện nghiêm túc chương trình hành động của thành phố về thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tăng cường công tác quản lý chi ngân sách.

- Kiên quyết cắt giảm những khoản chi thường xuyên đã có trong dự toán nhưng đến ngày 30/6, chưa phân bổ hoặc đã phân bổ nhưng chưa triển khai thực hiện, chưa phê duyệt dự toán, chưa phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thì để bổ sung dự phòng ngân sách, trừ trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quyết định.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, chi cho bộ máy quản lý nhà nước, chi hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 4494/BTC-NSNN ngày 04/4/2017 như: chi đi công tác trong nước; chi phí văn phòng phẩm; chi phí sử dụng điện, chi phí khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, lễ kỷ niệm, ...

- Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị thụ hưởng ngân sách. Nâng cao vai trò, trách nhiệm tự chủ trong cân đối ngân sách xã phường: điều hành chặt chẽ, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên; chủ động sử dụng nguồn dự phòng của cấp mình và các nguồn lực hợp pháp khác của địa phương để xử lý các nhiệm vụ chi cấp bách phát sinh, tránh sự trông chờ ỷ lại từ ngân sách cấp trên.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, đảm bảo chi tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, chống lãng phí trong quá trình sử dụng ngân sách.

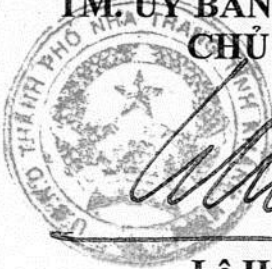
Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách thành phố 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2017.

UBND thành phố báo cáo HĐND thành phố./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- TT Thành uỷ - HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Các thành viên UBND TP;
- Các phòng ban, công ty;
- Chánh, Phó VPTH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Lê Hữu Thọ*

Lê Hữu Thọ



**BÁO CÁO THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN; THU, CHI CÂN ĐỐI NSDP  
6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2017**

*(Kèm theo báo cáo số ...../UBND-TCKH ngày ...../...../2017 của UBND thành phố Nha Trang)*

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	DT 2017 UBND TP giao	Thực hiện lũy kế tháng 5	Thực hiện 6 tháng đầu năm	So sánh (%)		ƯTH năm 2017	So sánh (%)	
					KH	CK		KH	CK
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>4.268.405</b>	<b>1.966.241</b>	<b>2.306.565</b>	<b>54</b>	<b>102</b>	<b>4.447.370</b>	<b>104</b>	<b>106</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu cân đối NSNN</b>	<b>4.268.405</b>	<b>1.964.399</b>	<b>2.304.665</b>	<b>54</b>	<b>102</b>	<b>4.444.870</b>	<b>104</b>	<b>106</b>
1	Thu từ khu vực CTN ngoài QĐ	2.429.005	1.079.735	1.295.000	53	97	2.590.000	107	117
	- Cục thuế quản lý thu	1.677.665	716.500	860.000	51	88	1.720.000	103	113
	- Chi Cục thuế quản lý thu	751.340	363.235	435.000	58	123	870.000	116	127
2	Thuế thu nhập cá nhân	205.000	85.382	101.000	49	129	205.000	100	129
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.900	4.961	5.900	46	77	13.000	101	115
4	Thu tiền sử dụng đất	536.790	295.267	316.500	59	91	510.000	95	82
	- Cục thuế quản lý thu	336.790	71.251	85.500	25	42	180.000	53	65
	- Chi Cục thuế quản lý thu	200.000	224.016	231.000	116	161	330.000	165	96
5	Lệ phí trước bạ	323.500	94.046	114.000	35	103	261.000	81	111
	+ Lệ phí trước bạ nhà đất	28.724	24.846	30.100	105	239	66.000	230	249
	+ Lệ phí bán các tài sản khác	294.776	69.200	83.900	28	86	195.000	66	93
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		14	15			20		
7	Thuế bảo vệ môi trường	2.200	2.799	3.200	145		5.000	227	180
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	223.890	153.072	173.000	77	79	302.000	135	57
	- Cục thuế quản lý thu	213.890	151.888	171.500	80	80	300.000	140	58
	- Chi Cục thuế quản lý thu	10.000	1.184	1.500	15	32	2.000	20	15
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	6.750	2.166	2.600	39	25	5.200	77	56
10	Thu phí và lệ phí	457.185	217.744	257.950	56	174	481.900	105	121
	- Phí và lệ phí TW	351.431	144.914	175.000	50	165	352.000	100	119
	- Phí và lệ phí tỉnh (BVMT đ/v khai thác KS)	24.985	6.201	7.450	30	108	14.900	60	107
	- Phí và lệ phí TP	67.008	59.538	68.000	101	470	106.500	159	245
	+ Phí thoát nước đô thị	45.000	24.151	29.000	64	113	55.000	122	103
	+ Lệ phí môn bài thu từ tổ chức SXKD	12.710	15.417	16.000	126		16.500	130	
	+ Phí và lệ phí khác	9.298	19.970	23.000	247		35.000	376	
	- Phí và lệ phí xã	13.761	7.091	7.500	55	279	8.500	62	147
	+ Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ SXKD	11.405	5.079	5.200	46		5.500	48	
	+ Phí và lệ phí khác	2.356	2.012	2.300	98		3.000	127	
11	Thu khác	71.185	29.213	35.500	50	319	71.750	101	313
	- TW	27.100	11.326	14.000	52	608	28.000	103	577
	- Tỉnh	2.000							
	- TP	38.385	14.782	18.000	47	256	38.500	100	313
	- Xã	3.700	3.105	3.500	95	194	5.250	142	91
<b>II</b>	<b>Các khoản thu ngoài cân đối NSNN</b>		<b>1.842</b>	<b>1.900</b>		<b>161</b>	<b>2.500</b>		<b>70</b>
1	Thu khác (các khoản huy động đóng góp)		1.842	1.900		166	2.500		70
	- TP								
	- Xã		1.842	1.900		166	2.500		98
<b>B</b>	<b>Cân đối ngân sách thành phố và ngân sách xã</b>								
<b>B.1</b>	<b>Cân đối ngân sách thành phố</b>								
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách thành phố được hưởng</b>	<b>1.832.025</b>	<b>1.492.879</b>	<b>1.586.718</b>	<b>87</b>	<b>115</b>	<b>2.450.791</b>	<b>134</b>	<b>94</b>
1	Thu thuế, phí, lệ phí, thu khác điều tiết	1.276.705	672.398	763.870	60	86	1.391.290	109	74
	Trong đó:								
	- Thu tiền sử dụng đất (cân đối chi đầu tư)	233.679	231.141	239.550	103	146	348.000	149	94
	- Thu ngoài tiền sử dụng đất (cân đối các hoạt động chi thường xuyên khác)	1.043.026	441.257	524.320	50	72	1.043.290	100	69

Stt	Nội dung	DT 2017 UBND TP giao	Thực hiện lũy kế tháng 5	Thực hiện 6 tháng đầu năm	So sánh (%)		ƯTH năm 2017	So sánh (%)	
					KH	CK		KH	CK
2	Thu bổ sung ngân sách cấp tỉnh		41.987	43.787		116			
	- <i>Bổ sung cân đối</i>								
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>		41.987	43.787		121			
3	Thu kết dư năm 2016	212.865					280.440	132	83
4	Thu chuyển nguồn kinh phí năm trước	342.455	778.494	778.494	227	349	778.494	227	349
5	Thu ngân sách cấp dưới nộp lên		567	567			567		73
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách thành phố (cấp huyện)</b>	<b>1.832.025</b>	<b>440.410</b>	<b>653.378</b>	<b>24</b>	<b>97</b>	<b>1.457.662</b>	<b>80</b>	<b>63</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>512.529</b>	<b>70.964</b>	<b>175.006</b>	<b>34</b>	<b>279</b>	<b>379.468</b>	<b>74</b>	<b>200</b>
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>869.288</b>	<b>325.991</b>	<b>401.200</b>	<b>46</b>	<b>112</b>	<b>881.700</b>	<b>101</b>	<b>90</b>
2.1	Hoạt động kinh tế	188.724	72.461	77.000	41	133	189.000	100	98
2.2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	70.447	18.669	25.000	35	89	79.000	112	49
2.3	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	447.355	171.764	210.000	47	106	448.000	100	97
2.4	Sự nghiệp y tế	14.786	295	7.400	50	209	15.000	101	87
2.5	Sự nghiệp khoa học, công nghệ								
2.6	Sự nghiệp văn hóa thông tin	3.835	1.626	1.900	50	115	3.900	102	129
2.7	Sự nghiệp thể dục thể thao	3.543	1.808	2.300	65	142	4.000	113	146
2.8	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	1.882	533	900	48	121	1.900	101	114
2.9	Chi đảm bảo xã hội	55.849	30.159	38.000	68	132	60.000	107	105
2.10	Hoạt động quản lý hành chính	62.738	23.239	32.000	51	114	63.000	100	109
2.11	An ninh quốc phòng	7.874	3.620	4.200	53	166	7.900	100	91
2.12	Các khoản chi khác	12.255	1.817	2.500	20	39	10.000	82	91
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn thu học phí để lại đơn vị</b>								
<b>4</b>	<b>Chi chương trình MTQG</b>								
<b>5</b>	<b>Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã</b>	<b>160.537</b>	<b>40.605</b>	<b>74.322</b>	<b>46</b>	<b>163</b>	<b>193.644</b>	<b>121</b>	<b>129</b>
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	98.644	24.662	49.322	50	169	98.644	100	163
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	61.893	15.943	25.000	40	153	95.000	153	106
<b>6</b>	<b>Chi nộp lên ngân sách cấp trên</b>	<b>2.850</b>	<b>2.850</b>	<b>2.850</b>			<b>2.850</b>	<b>100</b>	<b>1</b>
<b>7</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>22.770</b>							
<b>8</b>	<b>Nguồn chi CCTL</b>	<b>264.051</b>							
<b>B.2</b>	<b>Cân đối ngân sách xã</b>								
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách xã được hưởng</b>	<b>233.839</b>	<b>135.041</b>	<b>174.916</b>	<b>75</b>	<b>129</b>	<b>390.616</b>	<b>167</b>	<b>117</b>
<b>1</b>	<b>Thu thuế, phí, lệ phí, thu khác điều tiết</b>	<b>73.302</b>	<b>42.834</b>	<b>48.993</b>	<b>67</b>	<b>92</b>	<b>91.837</b>	<b>125</b>	<b>92</b>
<b>2</b>	<b>Thu bổ sung ngân sách thành phố</b>	<b>160.537</b>	<b>40.606</b>	<b>74.322</b>	<b>46</b>	<b>163</b>	<b>193.644</b>	<b>121</b>	<b>129</b>
	- <i>Bổ sung cân đối</i>	98.644	24.662	49.322	50	169	98.644	100	163
	- <i>Bổ sung có mục tiêu</i>	61.893	15.944	25.000	40	153	95.000	153	106
<b>3</b>	<b>Thu kết dư năm 2016</b>						53.534		120
<b>4</b>	<b>Thu chuyển nguồn kinh phí năm trước</b>		51.601	51.601		141	51.601		141
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp xã</b>	<b>233.110</b>	<b>68.291</b>	<b>92.077</b>	<b>39</b>	<b>114</b>	<b>252.013</b>	<b>108</b>	<b>112</b>
<b>1</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>61.893</b>	<b>4.399</b>	<b>16.014</b>	<b>26</b>	<b>239</b>	<b>92.508</b>	<b>149</b>	<b>176</b>
<b>2</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>167.840</b>	<b>63.325</b>	<b>75.496</b>	<b>45</b>	<b>102</b>	<b>158.938</b>	<b>95</b>	<b>92</b>
<b>3</b>	<b>Chi chương trình MTQG</b>								
<b>4</b>	<b>Chi nộp lên ngân sách cấp trên</b>		567	567			567		73
<b>5</b>	<b>Dự phòng chi</b>	<b>3.377</b>							
<b>6</b>	<b>Chi ngoài cân đối ngân sách</b>								
<b>C</b>	<b>Các khoản tạm ứng ngân sách</b>								
<b>I</b>	<b>Ngân sách thành phố</b>								
<b>1</b>	<b>Thu tạm ứng từ ngân sách tỉnh</b>		31.467	31.467		39	31.467		100
<b>2</b>	<b>Chi tạm ứng từ ngân sách thành phố</b>		71.341	71.341		73			
<b>II</b>	<b>Ngân sách xã</b>								
<b>1</b>	<b>Thu tạm ứng từ ngân sách thành phố</b>		2.952	2.952		120	2.952		120
<b>2</b>	<b>Chi tạm ứng từ ngân sách xã</b>		2.787	2.787		64			



**BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN RÚT DỰ TOÁN TỪ NGÂN SÁCH TỈNH  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017**

*(Kèm theo báo cáo số ...../UBND-TCKH ngày ...../...../2017 của UBND thành phố Nha Trang)*

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
	<b>THU BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH</b>	<b>43.787.061.500</b>
<b>I</b>	<b>Bổ sung cân đối</b>	-
	Rút dự toán bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh quý I/2014	
<b>II</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu</b>	<b>43.787.061.500</b>
<b>A</b>	<b>Đầu tư</b>	-
<b>B</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>43.787.061.500</b>
	<b>Chương trình xây dựng Nông thôn mới</b>	<b>360.000.000</b>
1	Cắm mốc, chỉ giới	300.000.000
2	Đào tạo, tập huấn	60.000.000
	<b>Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình khai thác hải sản theo QĐ 48/2010/QĐ-TTg</b>	<b>38.623.536.500</b>
1	Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình khai thác hải sản theo QĐ 48/2010/QĐ-TTg	38.473.536.500
2	Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình khai thác hải sản theo QĐ 48/2010/QĐ-TTg	150.000.000
	<b>Các khoản chi thường xuyên khác</b>	<b>4.803.525.000</b>
1	Mua giống lúa khắc phục hậu quả mưa lũ năm 2016	230.000.000
2	Thực hiện bồi dưỡng cho đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021	220.868.000
3	Thanh toán hợp đồng đặt hàng không thường xuyên đối với liên danh thực hiện thủ tục xin cấp giấy phép xả thải đối với nhà máy xử lý nước thải phái Nam thành phố Nha Trang	387.200.000
4	Thực hiện công tác bảo đảm an toàn giao thông năm 2017 (cảnh giới đường sắt)	239.000.000
5	Thực hiện nhiệm vụ môi trường năm 2017	100.000.000
6	Hỗ trợ giống khôi phục sản xuất bị thiệt hại do đợt mưa lũ cuối năm 2016	30.000.000
7	Thực hiện đào tạo nghề lao động nông thôn	234.000.000
8	Thực hiện chi trả các chế độ tinh giản biên chế 6 tháng đầu năm 2017	1.562.457.000
9	Thực hiện tăng cường trang thiết bị phương tiện làm việc cho Phòng Tài chính - Kế hoạch Nha Trang	200.000.000
10	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác cho các cơ quan thuộc UBND thành phố Nha Trang và UBND các xã, phường	1.500.000.000
11	Hỗ trợ phường Ngọc Hiệp mua sắm bàn ghế làm việc cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các đoàn thể phường	100.000.000
	<b>THU TẠM ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH</b>	<b>31.467.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu tạm ứng 2016</b>	<b>22.636.000.000</b>
1	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các hộ dân bị giải tỏa để thực hiện dự án Mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm Công nghiệp Đặc Lộ	22.636.000.000

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
<b>II</b>	<b>Thu tạm ứng 2015</b>	<b>6.467.000.000</b>
1	Chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Hóa chất Lương Sơn, xã Vĩnh Lương	5.477.000.000
2	Thực hiện việc xây dựng mương thoát nước, phá đá và cắm mốc phân lô tại Khu tái định cư Tây mương	990.000.000
<b>III</b>	<b>Thu tạm ứng 2014</b>	<b>2.364.000.000</b>
1	Thực hiện chế độ hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng trên địa bàn	2.364.000.000



**CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2016 SANG NĂM 2017***(Kèm theo báo cáo số ...../UBND-TCKH ngày ...../...../2017 của UBND thành phố Nha Trang)*

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
	<b>Tổng số</b>	<b>778.493.976.217</b>
<b>I</b>	<b>Vốn đầu tư XDCB</b>	<b>378.151.380.268</b>
1	<b>Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất</b>	<b>283.060.502.594</b>
	- Năm 2015	78.404.000.000
	- Năm 2016	204.656.502.594
2	<b>Chi đầu tư năm 2016 (chi tiết theo Phụ lục 01, 02)</b>	<b>79.247.278.463</b>
2.1	Vốn xây dựng cơ bản phân cấp năm 2016	70.184.737.119
	- Nguồn XDCB tập trung	18.507.368.185
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất	51.677.368.934
2.2	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 chuyển sang	3.609.389.866
	- Vốn thu tiền sử dụng đất chuyển nguồn từ năm 2014	2.428.265.500
	- Vốn thu tiền sử dụng đất chuyển nguồn từ năm 2015	335.124.366
	- Nguồn kết dư ngân sách năm 2014	846.000.000
2.3	Vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư năm 2016	5.453.151.478
	- Nguồn kết dư ngân sách thành phố năm 2014	1.692.778.478
	- Nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2015	3.760.373.000
3	<b>Nguồn ngân sách tỉnh</b>	<b>1.925.476.000</b>
	- Nâng cấp đoạn liên xã Vĩnh Trung - Diên An đoạn qua thôn Võ Đông (GD2)	225.476.000
	- Đường Thái Thông - Xuân Sơn	1.700.000.000
4	<b>Tạm ứng chi đầu tư XDCB (chi tiết theo Phụ lục 03)</b>	<b>13.918.123.211</b>
	- Năm 2015	902.208.000
	- Năm 2016	13.015.915.211
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>38.942.595.949</b>
1	<b>Tại ngân sách thành phố (ngân sách tỉnh bổ sung)</b>	<b>7.227.051.172</b>
	- Kinh phí chi trả phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật	198.000.000
	- Kinh phí sự nghiệp môi trường	42.000.000
	- Kinh phí đấu nối nước thải	600.798.000
	- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải	6.346.439.172
	- Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội	39.814.000
2	<b>Tại đơn vị dự toán</b>	<b>31.715.544.777</b>
2.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	14.666.586.777
a	Nguồn CCTL (14)	4.909.968.591

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
b	Nguồn khoán chi ngoài CCTL (13)	9.756.618.186
2.2	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (Chương 624, Khoản 528) - Ngân sách tỉnh	319.580.000
	- Chi công tác cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng ở các xã, phường	319.580.000
2.3	Phòng Kinh tế (Chương 620) - Ngân sách tỉnh	429.324.000
	- Thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới (Khoản 167, Mã dự án: 00391)	19.029.000
	- Kinh phí quản lý, điều hành của Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố (Khoản 167)	48.000.000
	- Cấp bù miễn thu thủy lợi phí (Khoản 014)	337.439.000
	- Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ cấp cơ sở (Khoản 373)	24.856.000
2.4	Phòng Tài chính - Kế hoạch (Chương 618, Khoản 463) - Ngân sách TP	1.130.373.000
	- Kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ	1.130.373.000
2.5	Phòng Tài nguyên và Môi trường (Chương 626) - Ngân sách TP	3.619.735.000
	- Kinh phí điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm 2016 (Khoản 167)	1.385.078.000
	- Kinh phí đo đạc và lập hồ sơ quỹ đất công (Khoản 432)	2.093.320.000
	- Kinh phí số hóa kho lưu trữ (Khoản 432)	141.337.000
2.6	Phòng Quản lý đô thị (Chương 619, Khoản 223) - Ngân sách TP	2.625.000.000
	- Duy tu sửa chữa đường nối Lê Nghị - Thoại Ngọc Hầu	460.000.000
	- Cải tạo nút giao thông Phạm Văn Đồng - Mai Xuân Thưởng - Ba Làng	916.000.000
	- Cải tạo nút giao thông Dã Tượng - Nguyễn Tri Phương - Nguyễn Lộ Trạch - Trường Sa	900.000.000
	- Trang bị xe ô tô phục vụ công tác an toàn giao thông	349.000.000
2.7	Phòng Văn hóa và Thông tin (Chương 625) - Ngân sách TP	506.500.000
	- Đề án đặt tên các tuyến đường chưa có tên trên địa bàn TP Nha Trang (Khoản 223)	150.000.000
	- Kinh phí biên soạn tài liệu quảng bá hình ảnh du lịch TP Nha Trang (Khoản 554)	356.500.000
2.8	Phòng Giáo dục và Đào tạo (Chương 622) - Ngân sách TP	6.244.781.000
	- Công trình Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường khối Mầm non (Khoản 491)	2.096.852.000
	- Công trình Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường khối Tiểu học (Khoản 492)	864.338.000



Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
	- Công trình Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trường khối THCS (Khoản 493)	3.283.591.000
2.9	Văn phòng HĐND và UBND thành phố (Chương 605, Khoản 463) - Ngân sách TP	642.210.000
	- Công trình sân tường rào, nhà vệ sinh, nhà để xe, chống thấm phòng làm việc UBND thành phố	465.000.000
	- Công trình cải tạo phòng làm việc của lãnh đạo HĐND thành phố nhiệm kỳ mới	177.210.000
2.10	Trung tâm Phát triển quỹ đất (Chương 799, Khoản 166) - Ngân sách TP	527.856.000
	- Kinh phí thực hiện di dời các hộ dân trên Núi Chụt, phường Vĩnh Trường, TP Nha Trang	527.856.000
2.11	Ban Quản lý dịch vụ công ích (Chương 799) - Ngân sách TP	211.959.000
	- Đề án nghiên cứu quy hoạch, cảnh quan cây xanh, cảnh quan TP Nha Trang (Khoản 167)	200.000.000
	- Sửa chữa sự cố sạt lở tại cửa xả Đặng Tất (Khoản 309)	11.959.000
2.12	Ban Quản lý vịnh Nha Trang (Chương 799, Khoản 287) - Ngân sách tỉnh	158.640.000
	- Khảo sát đa dạng sinh học trong khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang	158.640.000
2.13	Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Nha Trang (Chương 799, Khoản 223) - Ngân sách TP	42.000.000
	- Công trình Nâng cấp mặt đường bê tông nhựa các tuyến đường thành phố	42.000.000
2.14	Công ty CP Môi trường đô thị Nha Trang (Chương 799, Khoản 167) - Ngân sách TP	591.000.000
	- Sửa chữa hư hỏng công viên Võ Văn Ký và công viên 23/10	591.000.000
<b>III</b>	<b>Nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>361.400.000.000</b>
1	Năm 2015 chuyển sang còn lại	119.649.000.000
2	Tiết kiệm 20% chi TX năm 2016	39.716.000.000
3	50% tăng thu thực hiện năm 2016	202.035.000.000

**BÁO CÁO CHI TẠM ỨNG TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2017**  
(Kèm theo báo cáo số ...../UBND-TCKH ngày ...../...../2017 của UBND thành phố Nha Trang)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên đơn vị	Nội dung	Năm tạm ứng	Số tiền	Nguồn kinh phí	
					NS tỉnh	NSTP
		<b>Tổng cộng</b>		<b>71.341.195.040</b>	<b>31.692.928.800</b>	<b>39.648.266.240</b>
<b>A</b>	<b>Khối phòng, ban, đơn vị</b>			<b>68.389.500.240</b>	<b>29.096.790.000</b>	<b>39.292.710.240</b>
1	Phòng QLĐT			2.418.607.619		2.418.607.619
		TU KP hỗ trợ di dời các hộ dân sống tại khu vực bãi rác Rù Rì	2014	976.409.128		976.409.128
		TU KP hỗ trợ di dời các hộ dân sống tại khu vực bãi rác Rù Rì (lần 2)	2014	1.233.194.011		1.233.194.011
		TU KP hỗ trợ di dời các hộ dân sống tại khu vực bãi rác Rù Rì (lần 3)	2014	193.404.480		193.404.480
		TU KP thực hiện công bố đồ án qui hoạch khu tái định cư Lê Hồng Phong III	2016	15.600.000		15.600.000
2	BQLDA các CTXD			13.865.604.621	983.790.000	12.881.814.621
		Hồ sơ thiết kế trung tâm TM chợ Đầm	1999	200.000.000		200.000.000
		TU KP bồi thường, hỗ trợ dự án khu tái định cư Phước Hạ	2015	9.917.823.621		9.917.823.621
		Tạm ứng kinh phí công trình: Xây dựng mương thoát nước, phá đá và cắm mốc phân lô khu tái định cư Tây Mương	2015	983.790.000	983.790.000	
		TU KP công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật các khu tái định cư trên địa bàn xã Vĩnh Phương	2017	2.763.991.000		2.763.991.000



Stt	Tên đơn vị	Nội dung	Năm tạm ứng	Số tiền	Nguồn kinh phí	
					NS tính	NSTP
3	Trung tâm PT quỹ đất	TU KP chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với Công ty Hóa chất Lương Sơn, xã Vĩnh Lương	2015	32.445.923.000	28.113.000.000	4.332.923.000
		Tạm ứng kinh phí chi trả bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân bị giải tỏa dự án: Mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm Công nghiệp Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương.	2016	437.970.000	437.970.000	
		Tạm ứng kinh phí chi trả bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân bị giải tỏa dự án: Mở rộng dải cây xanh cách ly thuộc Cụm Công nghiệp Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương.	2017	25.769.804.000	22.198.030.000	3.571.774.000
		TU KP bồi thường, giải tỏa và trích đo địa chính khu Chò Vò	2017	664.873.000		664.873.000
4	Ngân hàng CSXH	TU KP trích đo địa chính đường Ngô Gia Tự	2017	96.276.000		96.276.000
		Cho vay hộ nghèo	Từ 2004	8.600.000.000		8.600.000.000
		Cho vay vệ sinh môi trường	2009-2011	2.900.000.000		2.900.000.000
		Cho vay chuyển đổi ngành nghề đối với các hộ dân bẫy nhữ tôm hùm trái phép trên vịnh Nha Trang tại phường Vĩnh Trường và Vĩnh Hòa	2014	3.000.000.000		3.000.000.000
		Cho vay chuyển đổi ngành nghề đối với 65 hộ dân thuộc xã Vĩnh Lương hoạt động bẫy nhữ tôm hùm trái phép trên vịnh Nha Trang	2016	1.400.000.000		1.400.000.000
5	Hạt kiểm lâm	TU KP thực hiện hỗ trợ trồng rừng sản xuất năm 2016	2016	59.365.000		59.365.000

Stt	Tên đơn vị	Nội dung	Năm tạm ứng	Số tiền	Nguồn kinh phí	
					NS tỉnh	NSTP
6	CTCP MĐT	TUKP dịch vụ công ích năm 2017	2017	11.000.000.000		11.000.000.000
<b>B</b>	<b>Khối xã, phường</b>			<b>2.951.694.800</b>	<b>2.596.138.800</b>	<b>355.556.000</b>
1	UBND xã Vĩnh Trường	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	239.880.000	40.000.000	199.880.000
		TU KP hỗ trợ mua sắm trang thiết bị phục vụ nhu cầu dạy và học cho trường Mầm non Vĩnh Trường, phường Vĩnh Trường	2015	199.880.000		199.880.000
2	UBND xã Vĩnh Lương	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	20.000.000	20.000.000	
3	UBND xã Vĩnh Thạnh	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	160.000.000	160.000.000	
4	UBND xã Vĩnh Trung	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	157.043.000	60.000.000	97.043.000
		Kinh phí chống hạn vụ Hè Thu 2015	2015	97.043.000		97.043.000
5	UBND xã Vĩnh Thái	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2015	60.000.000	60.000.000	
6	UBND xã Vĩnh Ngọc	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	40.000.000	40.000.000	
7	UBND phường Phước Long	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	118.633.000	60.000.000	58.633.000
		TU KP phục vụ cưỡng chế phá dỡ các công trình xây dựng trái phép tại khu quy hoạch Đồng Muối	2015	58.633.000		58.633.000



Stt	Tên đơn vị	Nội dung	Năm tạm ứng	Số tiền	Nguồn kinh phí	
					NS tính	NSTP
8	UBND phường Vĩnh Hòa	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	140.000.000	140.000.000	
9	UBND phường Vạn Thắng	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	4.000.000	4.000.000	
10	UBND phường Vĩnh Phước	TU KP hỗ trợ khẩn cấp cho các hộ dân gặp hỏa hoạn	2014	794.000.000	794.000.000	
		TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	300.000.000	300.000.000	
11	UBND phường Xương Huân	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	20.000.000	20.000.000	
12	UBND phường Lộc Thọ	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	100.000.000	100.000.000	
13	UBND phường Phước Hòa	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	120.000.000	120.000.000	
14	UBND phường Tân Lập	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	198.138.800	198.138.800	
15	UBND phường Vĩnh Nguyên	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	20.000.000	20.000.000	
16	UBND phường Phương Sài	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	100.000.000	100.000.000	
17	UBND phường Phước Tân	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	300.000.000	300.000.000	
18	UBND phường Phước Tiến	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	20.000.000	20.000.000	
19	UBND phường Phước Hải	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	320.000.000	320.000.000	
20	UBND phường Vạn Thạnh	TU KP hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở	2014	20.000.000	20.000.000	

**BÁO CÁO SỬ DỤNG NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2016**  
(Kèm theo báo cáo số ...../UBND-TCKH ngày ...../...../2017 của UBND thành phố Nha Trang)

Stt	Nguồn kinh phí	Số tiền	Nội dung	Đơn vị	Quyết định/Công văn		Số giao, bổ sung	Số còn lại	
					Số QĐ/CV	Ngày, tháng		Tổng	Chuyển nguồn
	<b>Tổng</b>	<b>169.724.968.466</b>	<b>Tổng</b>				<b>10.210.855.000</b>	<b>159.514.113.466</b>	<b>159.514.113.466</b>
1	1. Kết dư chi đầu tư		Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2016 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ	UBND xã Vĩnh Hiệp	1442/QĐ-UBND	12/04/2017	31.340.000		
2	2. Kết dư chi thường xuyên	169.724.968.466	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2016 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ	UBND xã Vĩnh Ngọc	1442/QĐ-UBND	12/04/2017	127.150.000		
3	3. Kết dư khác		Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2016 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ	UBND xã Vĩnh Thạnh	1442/QĐ-UBND	12/04/2017	94.540.000		
4	4. Kết dư nguồn NS tỉnh cấp còn nhiệm vụ chi		Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2016 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ	UBND xã Vĩnh Trung	1442/QĐ-UBND	12/04/2017	161.350.000		
5			Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2016 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ	UBND xã Phước Đồng	1442/QĐ-UBND	12/04/2017	45.130.000		
6			Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2016 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ	UBND xã Vĩnh Phương	1442/QĐ-UBND	12/04/2017	270.250.000		
7			Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa năm 2016 theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ	UBND xã Vĩnh Thái	1442/QĐ-UBND	12/04/2017	67.140.000		

Đơn vị tính: đồng



Stt	Nguồn kinh phí	Số tiền	Nội dung	Đơn vị	Quyết định/Công văn		Số giao, bổ sung	Số còn lại		
					Số QĐ/CV	Ngày, tháng		Tổng	Chuyển nguồn	Kết dư
8			KP sửa chữa nâng cấp trụ sở sinh hoạt, trạm trực dân phòng khóm Thái Nguyên và mua sắm trang thiết bị cho các đoàn thể do Đ/c UV BTV hỗ trợ	UBND phường Phước Tân	1497/QĐ-UBND	20/4/2017	50.000.000			
9			Thanh toán kinh phí mua sắm trang thiết bị làm việc	Chi cục THADS	1199/UBND-TCKH	06/03/2017	98.000.000			
10			Trang bị Ipad cho 02 đồng chí trong BTV Thành ủy	VP Thành ủy	1250/QĐ-UBND	22/03/2017	11.900.000			
11			Thanh toán kinh phí trang trí điện phục vụ APEC Việt Nam năm 2017	BQL DVCI	1404/QĐ-UBND	31/03/2017	593.350.000			
12			Thanh toán kinh phí lắp đặt, trang trí APEC Việt Nam 2017	CTCP MTDĐT	1477/QĐ-UBND	17/04/2017	244.728.000			
13			Chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị Châu và ông Đồng Sĩ Tạ dự án nâng cấp mạng đường phường Vĩnh Hải	BQLDA các CTXD Nha Trang	1499/QĐ-UBND	24/04/2017	300.149.000			
14			Tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày thị xã Nha Trang lên thành phố	Các đơn vị	1508/QĐ-UBND	25/04/2017	230.000.000			
15			Thực hiện sắp xếp, chỉnh lý tài liệu, hồ sơ lưu trữ năm 2016	Phòng LĐ-TB&XH	1648/QĐ-UBND	04/05/2017	289.699.000			
16			Kinh phí tăng thêm 01 biên chế	Phòng Kinh tế	1651/QĐ-UBND	05/05/2017	86.799.000			
17			Thanh toán kinh phí cho chuyển công tác tại TP HCM và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	BQL DVCI	1860/QĐ-UBND	10/05/2017	42.417.000			
18			Hỗ trợ KP đi học tập giải phóng mặt bằng	TTPTQĐ TP	1967/QĐ-UBND	12/5/2017	44.400.000			
19			Hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông Hồ Bụng và bà Nguyễn Thị Thu thuộc Dự án CSHT khu dân cư tổ 32 - 33 Vĩnh Thọ	TTPTQĐ TP	1967/QĐ-UBND	12/5/2017	12.600.000			
20			Hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ ông Nguyễn Hoàng và bà Huỳnh Thị Tuyết Minh thuộc trong diện đi dời do sạt lở núi Chặt	TTPTQĐ TP	1967/QĐ-UBND	12/5/2017	6.000.000			
21			Thanh toán hợp đồng xe đưa đón nhân dân khu tái định cư Đất Lành từ ngày 25/01/2016 đến ngày 31/3/2017	Phòng QLĐT	2050/QĐ-UBND	23/5/2017	194.180.000			

Stt	Nguồn kinh phí	Số tiền	Nội dung	Đơn vị	Quyết định/Công văn		Số giao, bổ sung	Số còn lại	
					Số QĐ/CV	Ngày, tháng		Tổng	Chuyển nguồn
22			Thanh toán kinh phí học lớp Cao học Luật cho đ.c Hồ Thị Hải	Phòng TN&MT	3116/QĐ-UBND	26/5/2017	60.000.000		
23			KP lắp đặt hệ thống camera giám sát tình hình an ninh trật tự trên địa bàn phường	UBND phường Lộc Thọ	1652/QĐ-UBND	05/05/2017	300.000.000		
24			Thanh toán công trình Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Phạm Văn Đồng	Phòng QLĐT	3090/QĐ-UBND	25/05/2017	898.974.000		
25			Thực hiện công trình Xử lý thoát nước khu vực tổ dân phố 01, 02 Trường Sơn, Phường Vĩnh Nguyên	UBND phường Vĩnh Nguyên	1310/QĐ-UBND	27/03/2017	790.000.000		
26			Thực hiện công trình Mương thoát nước đường vào trường THCS Lam Sơn, xã Phước Đông	UBND xã Phước Đông	3091/QĐ-UBND	25/05/2017	1.070.000.000		
27			Thanh toán kinh phí cho công trình: Trồng cây xanh trước Thành ủy, UBND thành phố	CTCP MTĐT	3193/QĐ-UBND	30/05/2017	450.253.000		
28			Thanh toán kinh phí cho công trình: Trồng và thay thế cây xanh thành phố Nha Trang	CTCP MTĐT	3193/QĐ-UBND	30/05/2017	918.556.000		
29			Triển khai các nội dung của Nghị quyết số 01-NQ về chỉ tiêu đầu nói nước thải	BQL DVCI	3092/QĐ-UBND	25/5/2017	2.685.000.000		
30			Trang bị tài sản phục vụ công tác giải quyết đơn thư và tập huấn phổ biến các quy định của pháp luật về công tác giải quyết đơn thư	Thanh tra TP	3497/QĐ-UBND	14/06/2017	36.950.000		



**BÁO CÁO SỬ DỤNG NGUỒN DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2017**  
(Kèm theo báo cáo số ...../UBND-TCKH ngày ...../2017 của UBND thành phố Nha Trang)

Nguồn kinh phí	Số tiền	Nội dung chi	Đơn vị	Quyết định			Đơn vị tính: đồng		
				Số QĐ	Ngày, tháng	Tổng số tiền nội dung chi	Tổng	Chuyển nguồn	Kết dư
<b>Tổng</b>	<b>22.770.000.000</b>	<b>Tổng</b>				<b>4.141.423.000</b>	<b>18.628.577.000</b>	<b>18.628.577.000</b>	
1. Chuyển nguồn năm trước sang		Mua gạo cấp phát cho các xã, phường hỗ trợ cứu đói và trợ giúp nhân dân trong dịp Tết Nguyên Đán Đinh Dậu năm 2017	Phòng LD-TB&XH	29/QĐ-UBND	05/01/2017	1.622.880.000			
2. Dự toán đầu năm	22.770.000.000	Hỗ trợ đột xuất kinh phí khác phục hậu quả thiên tai đối với ông Võ Văn Lối	KBNN TP	44/QĐ-UBND	06/01/2016	2.000.000			
		Hỗ trợ đột xuất kinh phí khác phục hậu quả thiên tai đối với ông Đặng Bé	KBNN TP	57/QĐ-UBND	11/01/2017	1.500.000			
		Hỗ trợ tiền thuê nhà cho 04 trường hợp phải di dời do nguy cơ sạt lở trong thời gian 03 tháng	UBND phường Vĩnh Trường	185/QĐ-UBND	19/01/2017	24.000.000			
		Hỗ trợ đột xuất kinh phí khác phục hậu quả thiên tai đối với ông Lê Chánh Mạnh	KBNN TP	409/QĐ-UBND	24/01/2017	1.000.000			
		Hỗ trợ đột xuất kinh phí khác phục hậu quả quathiên tai đối với ông Lê Văn Cường	KBNN TP	409/QĐ-UBND	24/01/2017	1.500.000			
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2015	UBND xã Vĩnh Thái	440/QĐ-UBND	25/01/2017	54.780.000			
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2016	UBND xã Vĩnh Ngọc	440/QĐ-UBND	25/01/2017	218.209.000			
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2016	UBND phường Vĩnh Nguyên	592/QĐ-UBND	21/02/2017	168.000.000			
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2016	UBND xã Vĩnh Phương	592/QĐ-UBND	21/02/2017	70.313.000			
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2016	UBND xã Vĩnh Trung	609/QĐ-UBND	23/02/2017	53.416.000			
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2016	UBND xã Vĩnh Phương	609/QĐ-UBND	23/02/2017	260.199.000			
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2016	UBND xã Phước Đồng	609/QĐ-UBND	23/02/2017	971.208.000			
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2016	UBND xã Vĩnh Lương	609/QĐ-UBND	23/02/2017	380.525.000			

Nguồn kinh phí	Số tiền	Nội dung chi	Đơn vị	Quyết định		Tổng số tiền nội dung chi	Nguồn còn lại	
				Số QĐ	Ngày, tháng		Tổng	Chuyển nguồn
		Hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh cúm gia cầm (H5N6)	UBND xã Phước Đồng	608/QĐ-UBND	23/02/2017	97.000.000		
		Khắc phục thiệt hại do mưa lũ tại trạm xử lý nước ri rác Lương Hòa	CTCP MTĐT Nha Trang	605/QĐ-UBND	23/02/2017	141.450.000		
		Điều chỉnh, bổ sung có mục tiêu năm 2017: Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2018	UBND xã Phước Đồng	1118/QĐ-UBND	14/03/2017	7.965.000		
		Điều chỉnh, bổ sung có mục tiêu năm 2017: Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2019	UBND xã Vĩnh Trung	1118/QĐ-UBND	14/03/2017	567.000		
		Điều chỉnh, bổ sung có mục tiêu năm 2017: Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2020	UBND phường Vĩnh Hòa	1118/QĐ-UBND	14/03/2017	60.110.000		
		Kinh phí mua giống khác phục hậu quả lũ lụt năm 2016	UBND xã Vĩnh Hiệp	1162/QĐ-UBND	20/3/2017	4.801.000		



**BÁO CÁO SỬ DỤNG NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2016**  
(Kèm theo báo cáo số ...../UBND-TCKH ngày ...../...../2017 của UBND thành phố Nha Trang)

Stt	Nguồn kinh phí	Số tiền	Nội dung chi	Đơn vị	Quyết định		Ngày, tháng	Nguồn kinh phí	Tổng số tiền nội dung chi	Nguồn còn lại		
					Số QĐ	Ngày, tháng				Tổng	Chuyển nguồn	Kết dư
	<b>Tổng</b>	<b>610.139.508.146</b>	<b>Tổng</b>						<b>474.363.130.594</b>	<b>135.776.377.552</b>		<b>135.776.377.552</b>
1	1. Tăng thu tiền sử dụng đất (chi đầu tư)	206.070.130.594	Thực hiện công tác đo đạc lập bản đồ địa chính phục vụ công tác bồi thường giải tỏa dự án Mở rộng dải cây xanh cách ly cum công nghiệp Đắc Lộc	TTPTQĐ TP	4747/QĐ-UBND	31/10/2016	Tăng thu tiền SDD	40.131.000				
2	2. Tăng thu ngoài tiền sử dụng đất	404.069.377.552	Thực hiện di dời các hộ trên Núi Chụt, phường Vĩnh Trường	TTPTQĐ TP	5084/QĐ-UBND	28/11/2016	Tăng thu tiền SDD	1.373.497.000				
3			Chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017 để chi đầu tư	NSTP	632/QĐ-UBND	28/2/2017	Tăng thu ngoài tiền sử dụng đất	204.656.502.594				
4			Chuyển nguồn năm 2016 sang năm 2017 thực hiện cải cách tiền lương	NSTP	632/QĐ-UBND	28/2/2017	Tăng thu ngoài tiền sử dụng đất	202.035.000.000				
5			Bổ trí dự toán năm 2017	NSTP	5552/QĐ-UBND	26/12/2016	Tăng thu ngoài tiền sử dụng đất	66.258.000.000				

Đơn vị tính: đồng